

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TC
TỈNH AG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/DS-ST
Ngày: 23/8/2023
V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự dân sự, mua bán tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TC, TỈNH AG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Thuận và bà Nguyễn Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Toà án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC, tỉnh AG tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã TC xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 49/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 04 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự, mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành P, sinh năm 1974; địa chỉ: số 27 đường Nguyễn Văn Cừ, khóm 4, phường AT, thành phố HN, tỉnh ĐT, có mặt;

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1980; nơi đăng ký thường trú: khóm LT, phường LC, thị xã TC, tỉnh AG. Chỗ ở hiện nay: tổ 11, khóm LC, phường LC, thị xã TC, tỉnh AG, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Thành P trình bày:

Từ năm 2009 đến từ năm 2012, ông P bán thuốc kích dục tố HCG (loại thuốc cho thủy sản sinh sản nhân tạo) cho bà Nguyễn Thị Kim C. Quá trình mua bán tài sản, bà C còn nợ ông P số tiền như sau: ngày 01/10/2009 số tiền 10.536.000 đồng, ngày 12/02/2012 số tiền 1.264.000 đồng, ngày 10/4/2012 số tiền 6.270.000 đồng, ngày 06/05/2021 số tiền 659.000 đồng, ngày 01/6/2012 số tiền 1.885.000 đồng; tổng cộng bà C đã mua thuốc và nợ ông P số tiền 20.614.000 đồng. Số lượng thuốc cụ thể bao nhiêu thì ông P không nhớ vì thời

gian đã lâu. Đến ngày 27/6/2012, ông P và bà C làm biên nhận, bà C xác nhận còn nợ ông P với số tiền mua bán tài sản (thuốc thú y) là 20.614.000 (hai mươi triệu sáu trăm mười bốn nghìn) đồng. Ông P nhiều lần yêu cầu bà C trả tiền nhưng bà C cứ hẹn mà không trả. Đến ngày 29 tháng 11 năm 2014, Tòa án nhân dân thị xã TC mời ông P và bà C đến hòa giải, bà C hứa mỗi tháng bà C trả ông P 500.000 (năm trăm ngàn) đồng cho đến khi hết số tiền 20.614.000 đồng nhưng đến nay bà C chưa thực hiện. Nay, ông P yêu cầu bà C phải có trách nhiệm trả cho ông P số tiền 20.614.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất giai đoạn thi hành án.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp bản chính - Giấy nhận nợ của bà C ngày 29/8/2014 (bản chính + bản photo); Hóa đơn ngày 01/6/2012 (bản chính + bản photo).

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C trình bày: Trước đây và bây giờ vợ chồng bà C có nuôi cá bè, ông Nguyễn Thành P bán thuốc thú y các loại, bà C có đến cửa hàng của ông Nguyễn Thành P mua nên quen biết nhau. Bà C mua thuốc kích dục cá cho cá mau sinh sản, hiệu thuốc gì thì bà C không nhớ, mua từ năm 2012 cho đến nay nên không nhớ số lượng bao nhiêu. Bà C còn nợ lại ông Nguyễn Thành P số tiền 20.614.000 đồng và đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông P, bà C sẽ thực hiện lại lời cam kết trước đây mỗi tháng trả cho ông P 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Yêu cầu ông P không tính lãi vì khi mua bán thuốc thú y giữa bà C và ông P không thỏa thuận lãi suất nên bà C không đồng ý trả lãi.

Bà C không có ý kiến đối với Hóa đơn ngày 01/06/2012, vì chữ ký và dấu vân tay tại mục người mua trên Hóa đơn ngày 01/06/2012 là của bà C. Nhưng biên nhận ngày 29/08/2014 không tiêu đề không phải chữ ký và chữ viết của bà C vì bà C viết chữ rất xấu. Bà C có cam kết trả nợ cho ông P 500.000 đồng/tháng nhưng bà C không viết biên nhận nào hết, ông P cung cấp giờ giấy A4 có nội dung “Tôi tên Nguyễn Thị Kim C ngụ tại 56A tổ 11, LC, TC - AG.....TC 29 – 08 – 2014 Nguyễn Thị Kim C ” nội dung này của ai viết thì bà C không biết. Bà C không nhớ thỏa thuận trả cho ông P 500.000 đồng/tháng khi nào, tại đâu vì đã lâu. Bà C chưa trả cho ông P và ông P không liên hệ với bà C để đòi số tiền này. Đến khi Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý cho bà C thì bà C mới biết.

Bị đơn cung cấp các tài liệu: giấy xác nhận còn nợ ông P số tiền 20.614.000 đồng ngày 18/7/2023 (không tiêu đề).

Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố tài liệu chứng cứ thu thập:

- Biên bản xác minh tại ban khóm LT, phường LC, thị xã TC ngày 06/06/2023: Dương sự Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1980 có đăng ký hộ khẩu

thường trú tại tổ 3, khóm LT, phường LC, thị xã TC, tỉnh AG nhưng bà C thường sinh sống tại khóm LC, phường LC, thị xã TC, tỉnh AG.

- Biên bản xác minh tại ban khóm LC, phường LC, thị xã Tân Châu ngày 06/6/2023: Dương sự Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1980 có thường xuyên sinh sống tại tổ 11, khóm LC, phường LC, thị xã TC, tỉnh AG nhưng không đăng ký thường trú.

- Biên bản xác minh tại Công an phường LC, thị xã TC ngày 06/06/2023: Dương sự Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1980 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 3, khóm LT, phường LC, thị xã TC, tỉnh AG. Hiện, bà C đang thường xuyên sinh sống tại tổ 11, khóm LC, phường LC, thị xã TC, tỉnh AG.

Ông P không có ý kiến về lời khai của bà C và tài liệu chứng cứ khác do Tòa án thu thập.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Giải quyết vụ án: Căn cứ lời trình bày của ông Nguyễn Thành P, hóa đơn bán hàng (thuốc thú y) ngày 01/6/2012 do ông P cung cấp, ý kiến thừa nhận nợ tiền mua bán tài sản và cam kết trả nợ của bà Nguyễn Thị Kim C có cơ sở xác định giữa ông Nguyễn Thành P và bà Nguyễn Thị Kim C có xác lập hợp đồng mua bán tài sản là thuốc thú y (thuốc kích dục cá sinh sản). Theo đó, từ năm 2009 đến năm 2012, ông P đã nhiều lần bán thuốc thú y cho bà C. Ông P đã giao thuốc thú y cho bà C đầy đủ, nhưng bà C không thanh toán tiền cho ông P. Tính đến ngày 01/6/2012, bà C còn nợ ông P số tiền 20.614.000 đồng. Vào ngày 29/8/2014 bà C có lập tờ cam kết mỗi tháng sẽ trả cho ông P 500.000 đồng đến khi dứt nợ (trả trong 41 tháng), nhưng từ đó đến nay bà C không thực hiện đúng như cam kết, chưa trả cho ông P khoản tiền nào. Theo Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả tiền thì bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền cho bên bán. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả. Việc bà C không trả tiền mua tài sản (thuốc thú y) cho ông P là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, ông P khởi kiện yêu cầu bà C trả số tiền 20.614.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất chậm trả: Lẽ ra, ngoài việc trả tiền nợ gốc, bà C còn phải trả lãi trên số tiền chậm trả. Nhưng do ông P đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với

phần lãi suất chậm trả nên không buộc bà C phải chịu trách nhiệm trả số tiền này.

Căn cứ các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành P đối với yêu cầu tính lãi suất chậm trả.

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim C có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thành P tiền mua bán tài sản (thuốc thú y) là 20.614.000 đồng.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] Thẩm quyền: Ông Nguyễn Thành P khởi kiện tranh chấp dân sự, vay tài sản với bà Nguyễn Thị Kim C. Bà C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 3, khóm LT, phường LC, thị xã TC, tỉnh AG nhưng bà C thường sinh sống tại khóm LC, phường LC, thị xã TC, tỉnh AG. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TC theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị Kim C, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử.

** Về nội dung:*

[1] Hợp đồng mua bán tài sản: Hợp đồng mua bán tài sản (Hoá đơn ngày 01/6/2012) giữa ông Nguyễn Thành P với bà Nguyễn Thị Kim C được lập thành văn bản và ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo lời khai của ông P, từ năm 2009 đến năm 2012 ông Nguyễn Thành P nhiều lần bán thuốc thú y (thuốc kích dục cá sinh sản) cho bà Nguyễn Thị Kim C. Quá trình mua bán, bà C còn nợ ông P số mua bán tài sản (thuốc thú y) 20.614.000 (hai mươi triệu sáu trăm mười bốn nghìn) đồng. Đến ngày 27/6/2012, ông P và bà C làm biên nhận, bà C xác nhận còn nợ ông P với số tiền mua bán tài sản (thuốc thú y) là 20.614.000 (hai mươi triệu sáu trăm mười bốn nghìn) đồng.

Xét, lời trình bày của ông P phù hợp với Hoá đơn ngày 01/6/2012 do bà Nguyễn Thị Kim C ký tên và dấu vân tay; phù hợp với biên bản ghi lời khai và

giấy nhận nợ ngày 18/7/2023 của bà Nguyễn Thị Kim C.

Việc bà C không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền của bên mua, đã ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông P. Do đó, ông P khởi kiện yêu cầu bà C có trách nhiệm trả một lần số tiền chậm thanh toán là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015.

Do đó, ông P khởi kiện yêu cầu bà C trả số tiền 20.614.000 đồng là có căn cứ. Hội đồng xét xử, chấp nhận.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim C có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thanh P số tiền 20.614.000 (hai mươi triệu sáu trăm mười bốn nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về lãi suất: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông P tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi suất chậm trả. Hội đồng xét xử, nhận thấy đây, là sự tự nguyện của đương sự, đương sự tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 70 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí,

Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Bà C phải chịu 1.030.700 đồng (của số tiền 20.614.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 430, khoản 1 Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273, khoản 4 Điều 70 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành P đối với bà Nguyễn Thị Kim C về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự, mua bán tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim C có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thành P số tiền 20.614.000 (hai mươi triệu sáu trăm mười bốn nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành P đối với bà Nguyễn Thị Kim C về việc yêu cầu tính lãi suất chậm trả.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà C phải chịu 1.030.700 đồng (của số tiền 20.614.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thành P không phải án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thành P số tiền 515.000 (năm trăm mười lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007481 ngày 05 tháng 04 năm 2023 của chi cục Thi hành án dân sự thị xã TC, tỉnh AG.

[4] Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông P có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh AG xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà C là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG (1);
- VKSND TX. TC (2);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TX. TC (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương